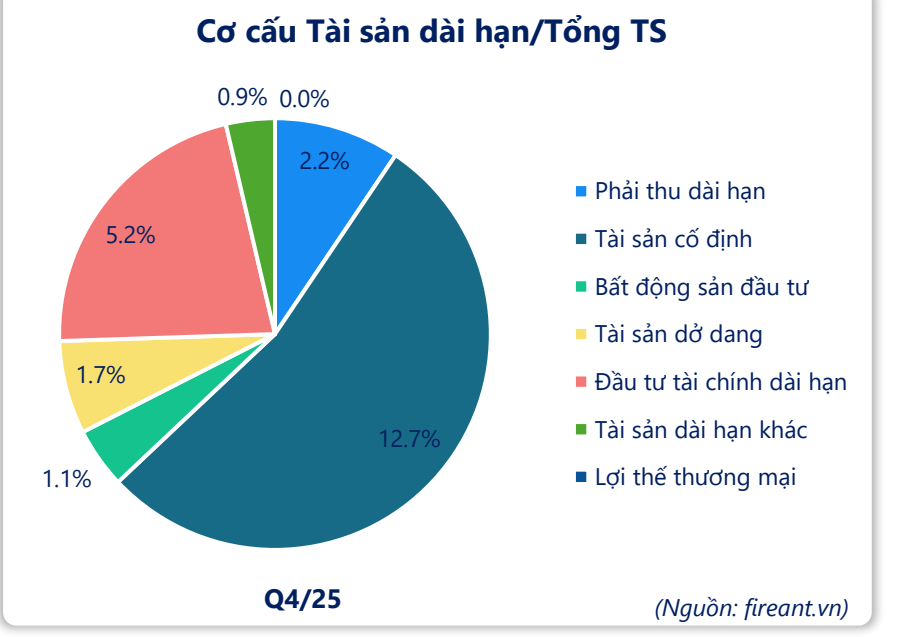
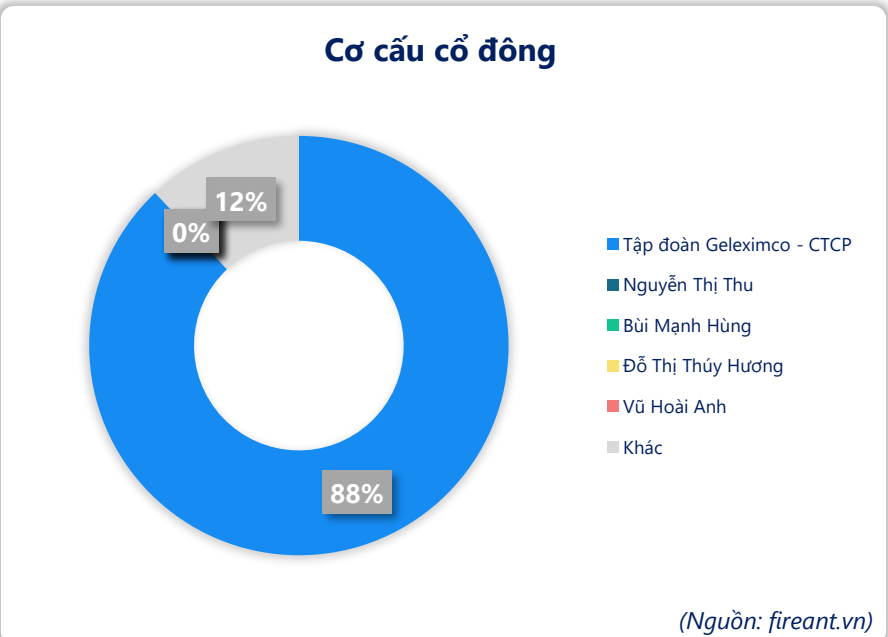
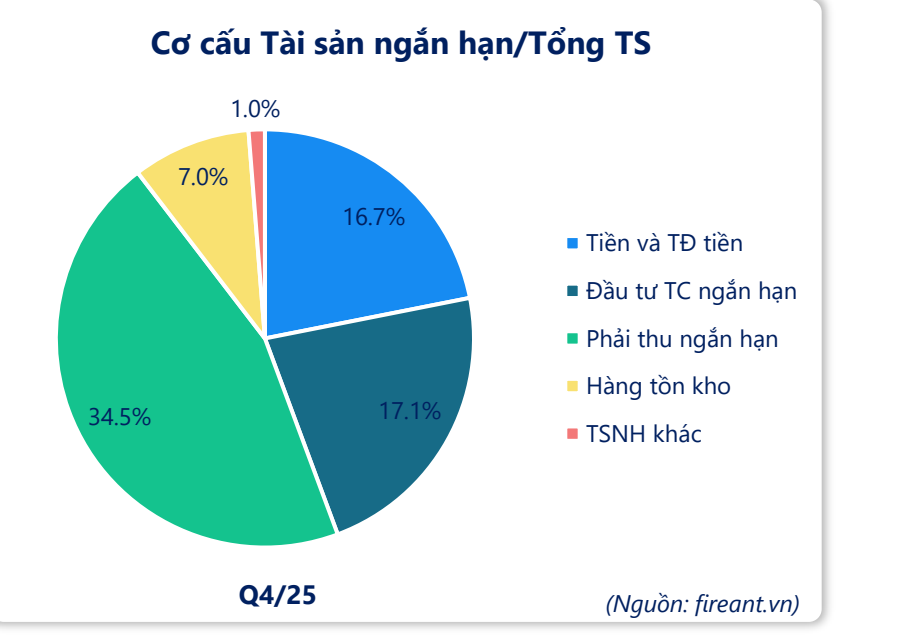
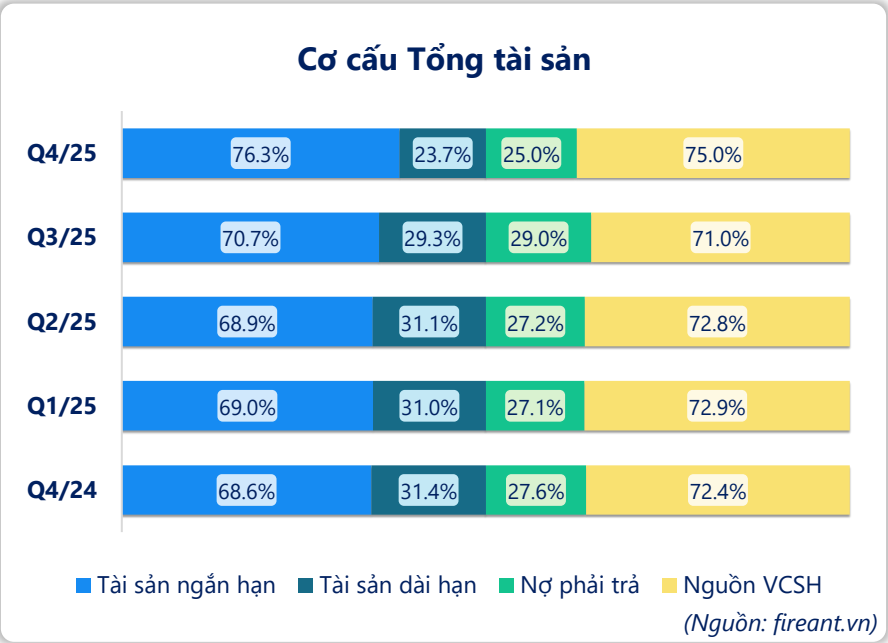
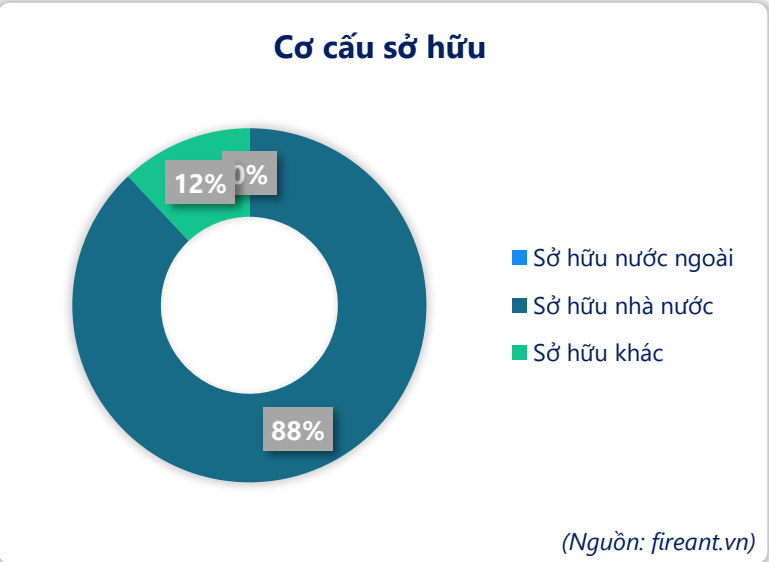
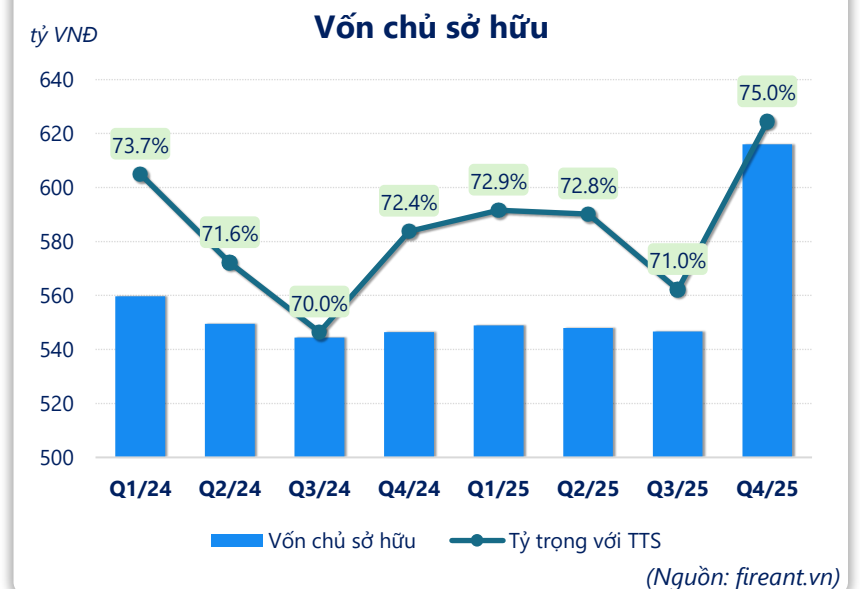
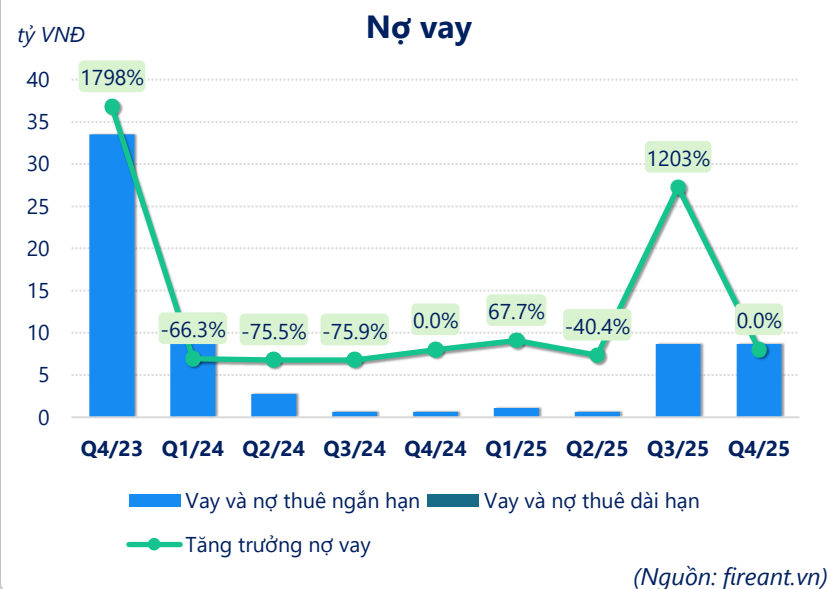
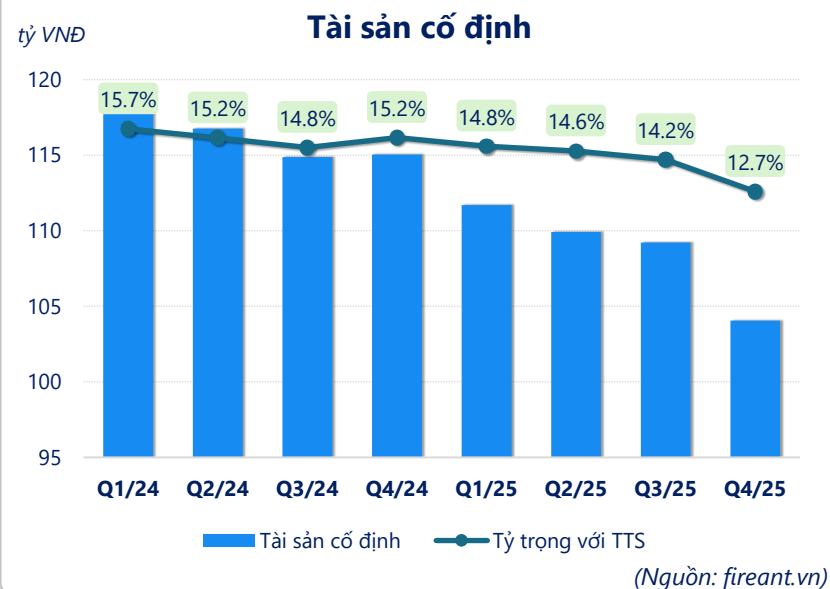
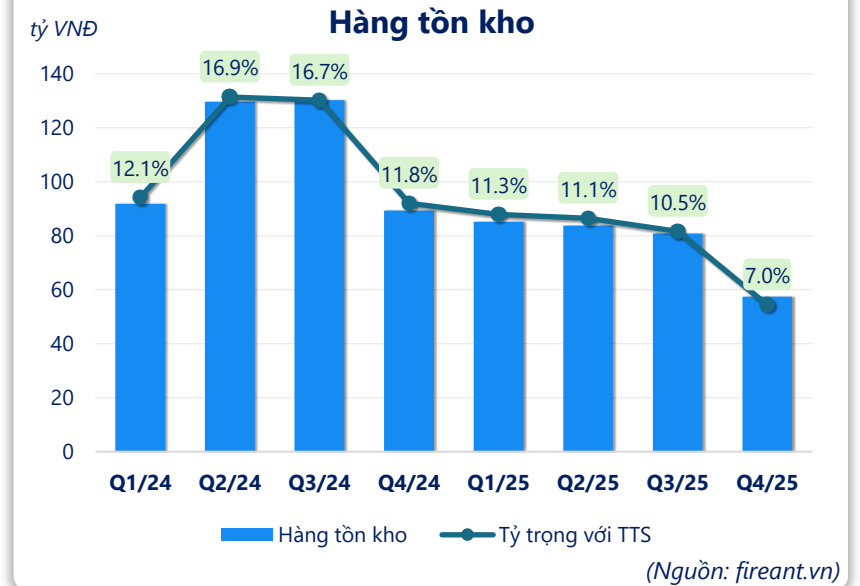
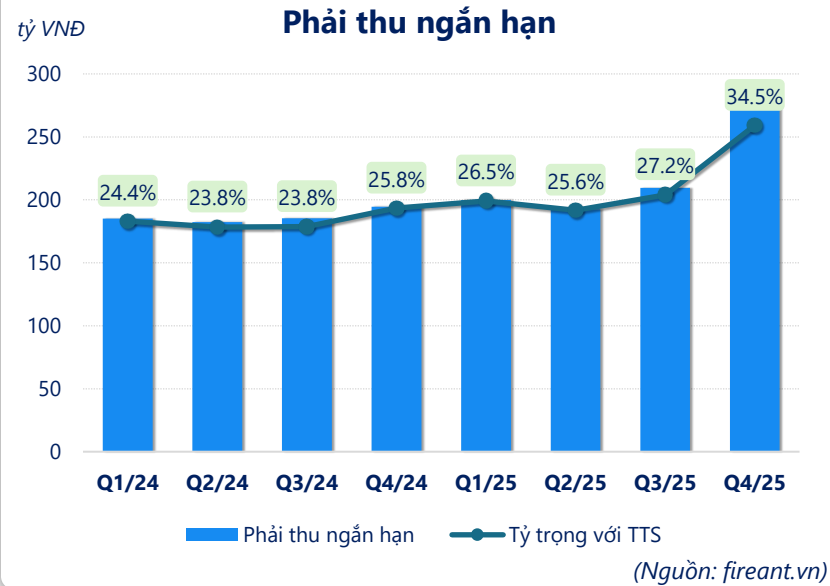
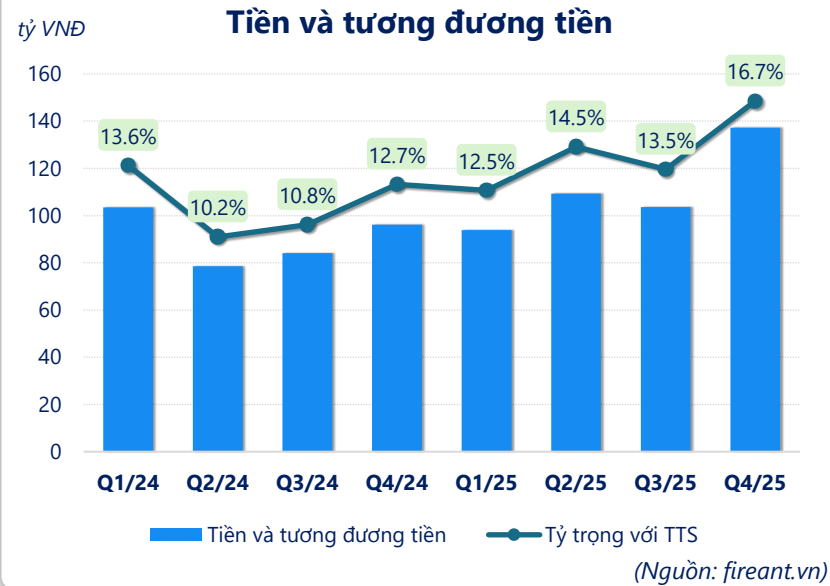
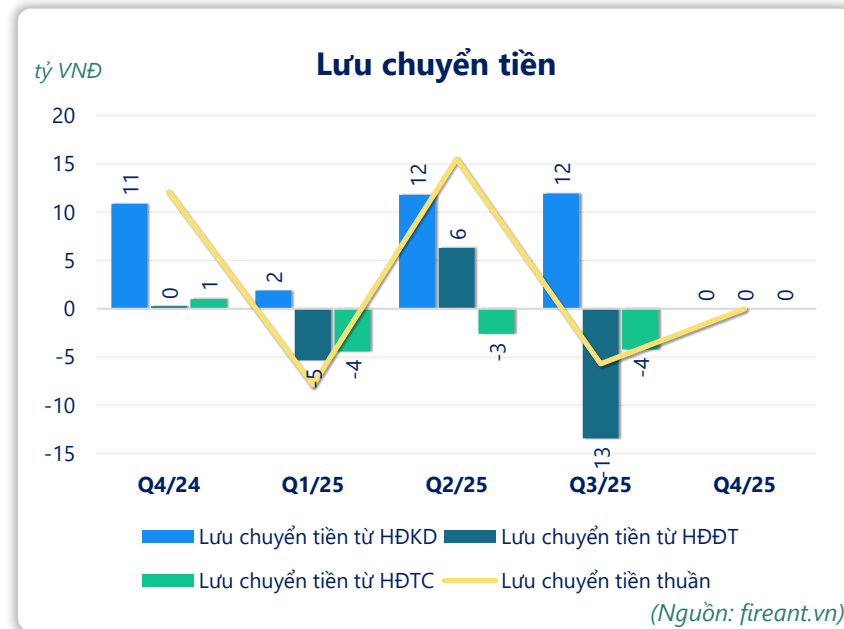
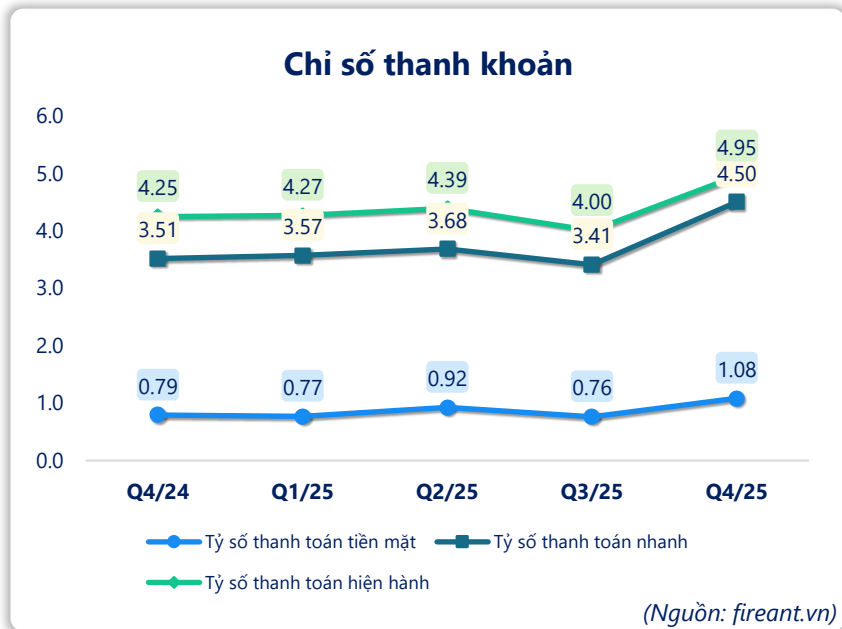
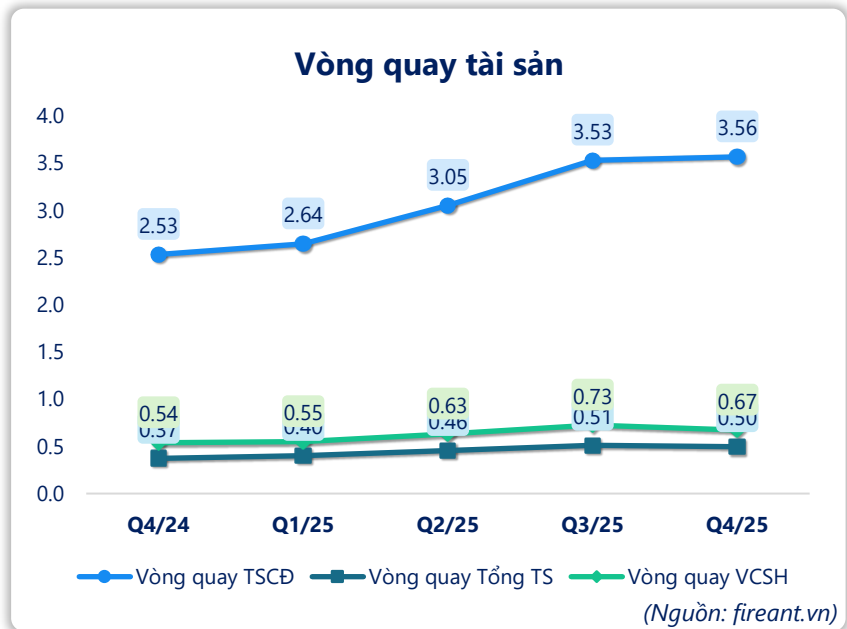
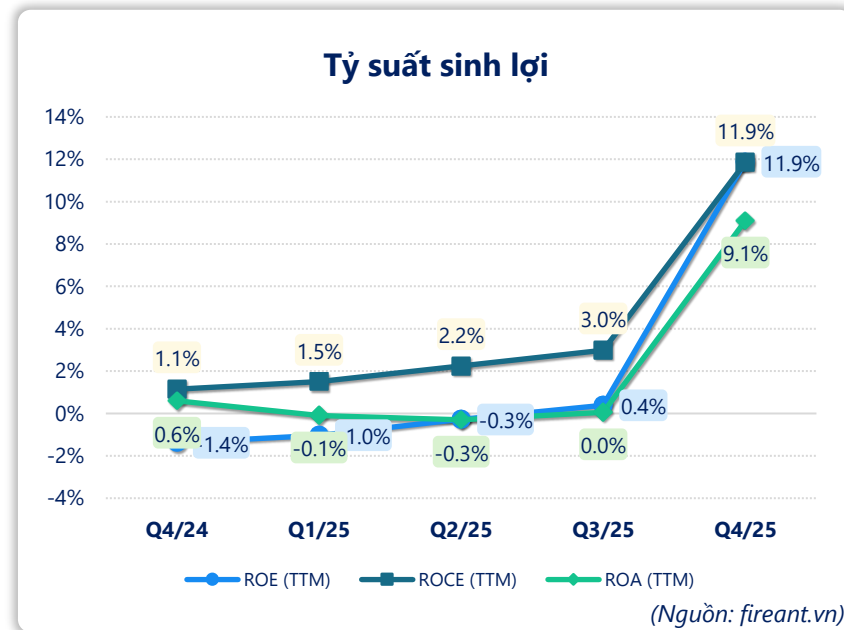
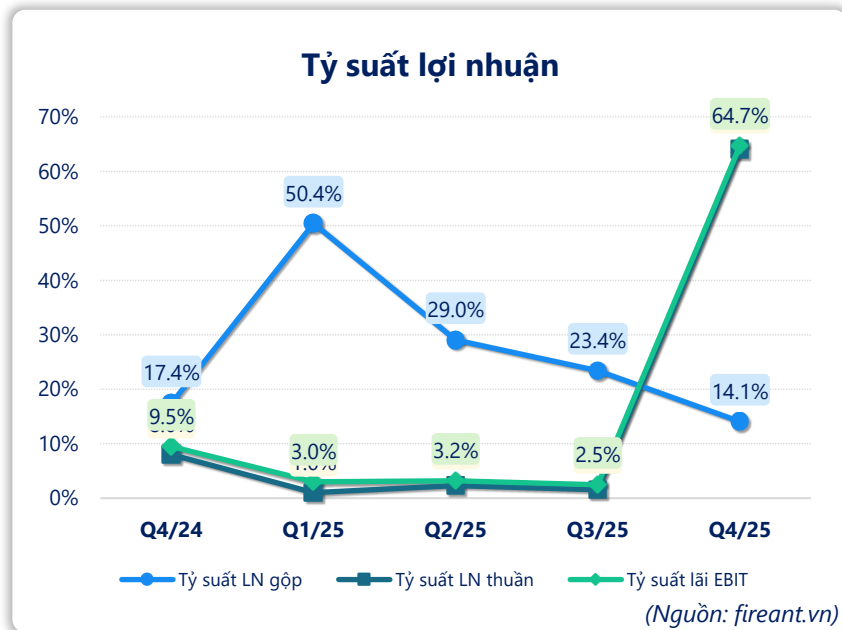
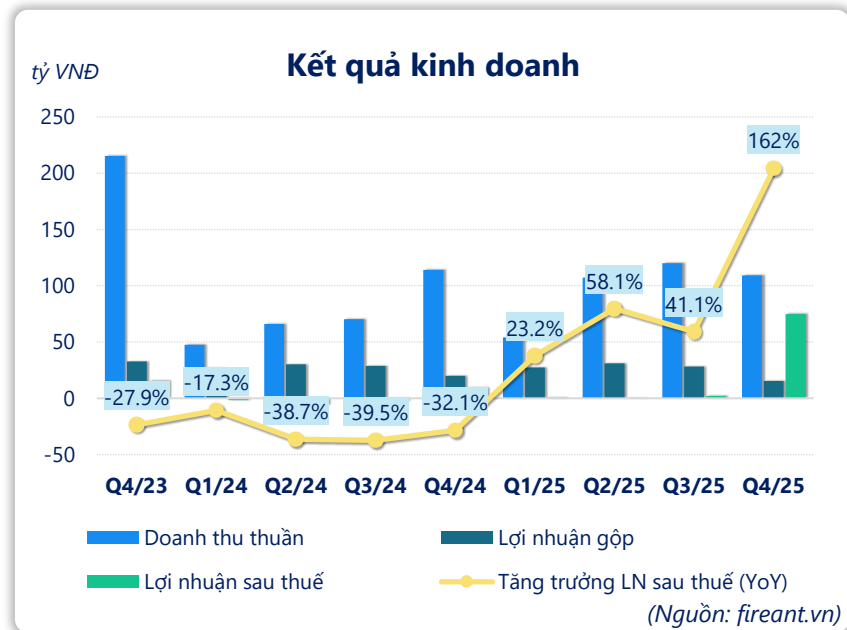


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		53,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		61,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,200
SL cổ phiếu LH		43,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		48,495
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,339
P/E		33.9
EPS		1,577

	YTD	1T	3T	6T
VEC	528.2%	-10.7%	320.5%	389.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	821	746	10.1%
Tài sản ngắn hạn	627	509	23.2%
Tiền và tương đương tiền	137	102	35.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	141	127	11.3%
Phải thu ngắn hạn	284	188	51.1%
Hàng tồn kho	57.4	86.5	-33.6%
Tài sản ngắn hạn khác	7.88	6.37	23.7%
Tài sản dài hạn	194	237	-18.1%
Phải thu dài hạn	18.4	18.4	0.0%
Tài sản cố định	104	114	-8.5%
Bất động sản đầu tư	8.80	9.62	-8.5%
Tài sản dở dang	13.6	18.5	-26.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	42.5	69.3	-38.7%
Tài sản dài hạn khác	7.12	7.85	-9.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	205	195	5.1%
Nợ ngắn hạn	127	114	11.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8.67	3.52	146%
Phải trả người bán ngắn hạn	74.6	53.9	38.4%
Nợ dài hạn	78.8	81.6	-3.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	616	551	11.9%
Vốn chủ sở hữu	616	551	11.9%
Vốn điều lệ	438	438	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	114	54.1	107	120	109
Giá vốn hàng bán	94.2	26.8	76.1	91.9	93.8
Lợi nhuận gộp	19.9	27.3	31.1	28.1	15.3
Doanh thu HĐTC	2.67	1.82	2.68	2.24	152
Chi phí TC	0.04	0.01	0.15	0.00	0.13
Chi phí lãi vay	0.01	0.00	0.02	0	0.13
LN trong công ty LKLD	-0.07	0	0.18	0	1.10
Chi phí bán hàng	0.54	9.51	11.4	10.7	10.2
Chi phí QLDN	12.7	19.1	20.0	17.8	88.5
LN thuần từ HĐKD	9.17	0.55	2.50	1.87	69.8
Lợi nhuận khác	1.61	1.09	0.92	1.09	0.68
LN trước thuế	10.8	1.64	3.42	2.96	70.5
Lợi nhuận sau thuế	9.38	0.58	0.17	1.94	74.9
LNST của CĐ cty mẹ	4.76	-0.77	-2.27	0.38	71.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.9	1.90	11.8	11.9	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.25	-5.35	6.30	-13.4	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.98	-4.43	-2.59	-4.21	0
Tiền đầu kỳ	84.1	102	93.8	109	0
Lưu chuyển tiền thuần	12.1	-7.89	15.5	-5.71	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	96.2	93.8	109	104	0

(Nguồn: fireant.vn)